

Số: 35/2016/QĐ-UBND

Nam Định, ngày 9 tháng 9 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định quản lý công nghệ và chuyển giao
công nghệ trên địa bàn tỉnh Nam Định**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật ban hành văn bản QPPL ngày 10/7/2015;

Căn cứ Luật đầu tư công số 49/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

Căn cứ Luật Đầu tư ngày 26/11/2014;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014;

Căn cứ Luật Khoa học và Công nghệ ngày 18/6/2013;

Căn cứ Luật Chuyển giao công nghệ ngày 29/11/2006;

Căn cứ Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27/01/2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Nghị định số 133/2008/NĐ-CP ngày 31/12/2008 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ và Nghị định số 103/2011/NĐ-CP ngày 15/11/2011, Nghị định số 120/2014/NĐ-CP ngày 17/12/2014 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 133/2008/NĐ-CP ngày 31/12/2008 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ ;

Căn cứ Thông tư số 03/2016/TT-BKHHCN ngày 30/03/2016 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về hồ sơ, nội dung và quy trình, thủ tục thẩm định cơ sở khoa học của chương trình phát triển kinh tế - xã hội, thẩm định công nghệ dự án đầu tư;

Căn cứ Thông tư số 23/2015/TT-BKHHCN ngày 13/11/2015 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định việc nhập khẩu máy móc, thiết bị, dây chuyền công nghệ đã qua sử dụng;

Căn cứ Thông tư số 25/2015/TT-BKHHCN ngày 26/11/2015 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chế độ báo cáo thống kê cơ sở về khoa học và công nghệ;

Căn cứ Thông tư số 04/2014/TT-BKHHCN ngày 08/4/2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn đánh giá trình độ công nghệ sản xuất;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 532/TTr-SKHCCN ngày 16 tháng 8 năm 2016 và ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tại Báo cáo thẩm định số 128/BC-STP ngày 12 tháng 8 năm 2016.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định quản lý công nghệ và chuyển giao công nghệ trên địa bàn tỉnh Nam Định.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Thủ trưởng các Sở, Ban ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Bộ Tư pháp (để kiểm tra);
- TT HĐND, UBND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Như điều 3;
- Công báo tỉnh; Website tỉnh;
- Lưu: VP1, VP3, VP5.TLT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Phạm Đình Nghị

QUY ĐỊNH

Quản lý công nghệ và chuyển giao công nghệ trên địa bàn tỉnh Nam Định
(Ban hành kèm theo Quyết định số 35/2016/QĐ-UBND ngày 9/9/2016
của UBND tỉnh Nam Định)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định cụ thể một số nội dung trong công tác quản lý nhà nước về công nghệ, chuyển giao công nghệ; thẩm định công nghệ các dự án đầu tư (sau đây gọi tắt là thẩm định công nghệ), thẩm định cơ sở khoa học của chương trình phát triển kinh tế- xã hội của địa phương (sau đây gọi tắt là thẩm định cơ sở khoa học); đăng ký hợp đồng chuyển giao công nghệ; nhập khẩu dây truyền thiết bị, máy móc thiết bị đã qua sử dụng trên địa bàn tỉnh Nam Định.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này được áp dụng đối với các cơ quan quản lý nhà nước về công nghệ, chuyển giao công nghệ; cơ quan chủ trì thẩm định chương trình phát triển, cơ quan chủ trì thẩm định dự án; các tổ chức, cá nhân người Việt Nam hoặc người nước ngoài liên quan trong hoạt động đầu tư công nghệ, chuyển giao công nghệ, nhập khẩu máy móc thiết bị, dây truyền công nghệ đã qua sử dụng trên địa bàn tỉnh Nam Định.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Quy định này, *thẩm định công nghệ các dự án đầu tư* được hiểu là quá trình xem xét, đánh giá công nghệ của dự án; các sản phẩm do công nghệ tạo ra, thị trường sản phẩm; thiết bị trong dây chuyền công nghệ; nguyên, nhiên, vật liệu, linh kiện, phụ tùng trong dự án đầu tư; tác động của công nghệ đến hiệu quả kinh tế - xã hội; tác động của công nghệ đến môi trường và các vấn đề khác theo yêu cầu

Chương II

NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 4. Đối tượng thẩm định công nghệ, thẩm định cơ sở khoa học

Đối tượng thẩm định công nghệ là các dự án đầu tư có liên quan đến công nghệ, chuyển giao công nghệ, nhập khẩu dây truyền máy móc thiết bị đã qua sử dụng trên địa bàn tỉnh Nam Định thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu

tư hoặc quyết định đầu tư của cấp có thẩm quyền của địa phương hoặc dự án thuộc diện cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư của địa phương mà không thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư.

Đối tượng thẩm định cơ sở khoa học là các chương trình phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh không thuộc các đối tượng quy định tại khoản 1, Điều 3 Thông tư số 03/2016/TT-BKHHCN ngày 30 tháng 3 năm 2016 của Bộ Khoa học và Công nghệ về quy định về hồ sơ, nội dung và quy trình, thủ tục thẩm định cơ sở khoa học của chương trình phát triển kinh tế - xã hội, thẩm định công nghệ của dự án đầu tư (sau đây gọi tắt là Thông tư số 03/2016/TT-BKHHCN).

Điều 5. Hồ sơ, nội dung và quy trình, thủ tục thẩm định cơ sở khoa học, thẩm định công nghệ

1. Hồ sơ, nội dung và quy trình, thủ tục thẩm định cơ sở khoa học, thẩm định công nghệ được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 03/2016/TT-BKHHCN ngày 30 tháng 3 năm 2016 của Bộ Khoa học và Công nghệ về quy định về hồ sơ, nội dung và quy trình, thủ tục thẩm định cơ sở khoa học của chương trình phát triển kinh tế - xã hội, thẩm định công nghệ của dự án đầu tư (sau đây gọi tắt là Thông tư số 03/2016/TT-BKHHCN).

2. Cơ quan chủ trì thẩm định dự án đầu tư trước khi trình cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư hoặc khi thẩm định cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư các dự án đầu tư có yếu tố công nghệ, chuyển giao công nghệ, có trách nhiệm gửi hồ sơ dự án về Sở Khoa học và Công nghệ để tổ chức thẩm định công nghệ của dự án.

Điều 6. Thẩm quyền tổ chức thẩm định cơ sở khoa học, thẩm định công nghệ

Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với các cơ quan, tổ chức có liên quan tổ chức thẩm định cơ sở khoa học của chương trình phát triển kinh tế - xã hội, thẩm định công nghệ của dự án đầu tư thuộc đối tượng tại Điều 4 Quy định này.

Điều 7. Kinh phí thẩm định cơ sở khoa học, thẩm định công nghệ

1. Kinh phí chi cho công tác thẩm định cơ sở khoa học, thẩm định công nghệ các dự án đầu tư thuộc đối tượng của Điều 4 Quy định này được bố trí trong kinh phí sự nghiệp khoa học và công nghệ của tỉnh hằng năm.

2. Kinh phí thẩm định cơ sở khoa học, thẩm định công nghệ

a) Nội dung chi: Chi cho chuyên gia tư vấn, đánh giá; Chi tổ chức hội nghị tư vấn; Chi tổ chức hội đồng thẩm định; Chi phí ăn, ở, đi lại cho các chuyên gia, thành viên hội đồng; Chi phí in ấn tài liệu, nước uống phục vụ hội nghị.

b) Mức chi: Áp dụng mức chi cho hoạt động hội đồng khoa học công nghệ cấp tỉnh theo quyết định số 01/2016/QĐ-UBND tỉnh Nam Định ngày 07 tháng 01 năm 2016

Điều 8. Quản lý việc nhập khẩu máy móc, thiết bị, dây chuyền công nghệ đã qua sử dụng

Đối với máy móc, thiết bị, dây chuyền công nghệ đã qua sử dụng khi nhập khẩu được quản lý theo Thông tư 23/2015/TT-BKHHCN ngày 13/11/2015.

Điều 9. Đăng ký hợp đồng chuyển giao công nghệ

Hợp đồng chuyển giao công nghệ không bắt buộc phải đăng ký nhưng đại diện các bên tham gia giao kết hợp đồng có quyền đăng ký nếu có nhu cầu.

Hồ sơ đăng ký hợp đồng chuyển giao công nghệ được lập theo Điều 7 Nghị định số 133/2008/NĐ-CP, Khoản 1 Điều 1 Nghị định số 103/2011/NĐ-CP và các quy định pháp luật khác có liên quan.

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đăng ký hợp đồng chuyển giao công nghệ hợp lệ, Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm xem xét, kiểm tra, cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chuyển giao công nghệ. Trường hợp không đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chuyển giao công nghệ thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Điều 10. Đăng ký sửa đổi, bổ sung hợp đồng chuyển giao công nghệ

Hợp đồng chuyển giao công nghệ đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký, nếu các bên có thỏa thuận bổ sung, sửa đổi nội dung hợp đồng thì phải gửi hợp đồng bổ sung, sửa đổi đến Sở Khoa học và Công nghệ để được cấp Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung, sửa đổi hợp đồng.

Hồ sơ bổ sung, sửa đổi hợp đồng chuyển giao công nghệ được lập theo Điều 8 Nghị định số 133/2008/NĐ-CP, khoản 2, 3, 4, 5 Điều 1 Nghị định số 103/2011/NĐ-CP và các quy định pháp luật khác có liên quan.

Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Khoa học và Công nghệ xem xét cấp Giấy chứng nhận đăng ký sửa đổi, bổ sung hợp đồng chuyển giao công nghệ, trường hợp không cấp Giấy chứng nhận đăng ký sửa đổi, bổ sung hợp đồng chuyển giao công nghệ thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Điều 11. Thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chuyển giao công nghệ

Cơ quan cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chuyển giao công nghệ có quyền thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chuyển giao công nghệ theo quy định tại Điều 15 Nghị định số 133/2008/NĐ-CP.

Điều 12. Chuyển giao công nghệ có sử dụng vốn nhà nước

Trường hợp sử dụng vốn nhà nước để nhận chuyển giao công nghệ trong dự án đầu tư, bên nhận công nghệ phải lập phương án nhận chuyển giao công nghệ, trong đó nêu rõ nội dung chuyển giao công nghệ và giá ước tính của công nghệ để trình cơ quan có thẩm quyền quyết định đầu tư theo quy định

tại Điều 4 Nghị định số 133/2008/NĐ-CP.

Điều 13. Kiểm tra công nghệ sau đầu tư và hoạt động chuyển giao công nghệ

1. Kiểm tra công nghệ các dự án đầu tư nhằm phát hiện kịp thời, kiến nghị, và xử lý những hành vi đầu tư công nghệ không đúng so với quyết định chủ trương đầu tư, giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, hợp đồng chuyển giao công nghệ và dự án đầu tư đã được phê duyệt, làm ảnh hưởng xấu tới môi trường, an toàn sức khỏe của người lao động, xâm phạm đến lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân.

2. Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với cơ quan quản lý nhà nước về đầu tư và các cơ quan liên quan, thành lập đoàn kiểm tra trong và sau khi hoàn thành việc đầu tư công nghệ; thực hiện kiểm tra hoạt động chuyển giao công nghệ theo quy định của pháp luật.

3. Kinh phí phục vụ kiểm tra được bố trí trong kinh phí sự nghiệp khoa học và công nghệ của tỉnh hằng năm.

Điều 14. Đánh giá trình độ công nghệ sản xuất

1. Theo kế hoạch 5 năm, hoặc nhiệm vụ đột xuất phát sinh hằng năm, Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, tham mưu cho UBND tỉnh quyết định tổ chức đánh giá trình độ công nghệ sản xuất các ngành, lĩnh vực, địa phương của tỉnh.

2. Kinh phí tổ chức thực hiện lấy từ nguồn sự nghiệp khoa học và công nghệ của tỉnh.

Điều 15. Giám định công nghệ

1. Để kiểm tra, xác định các chỉ tiêu của công nghệ đã được chuyển giao, Sở Khoa học và Công nghệ, các cơ quan có thẩm quyền giải quyết tranh chấp, xử lý vi phạm, giải quyết khiếu nại, tố cáo về chuyển giao công nghệ có quyền trưng cầu giám định công nghệ.

2. Các tổ chức, cá nhân khác có quyền, lợi ích liên quan đến chuyển giao công nghệ, tranh chấp, vi phạm, khiếu nại, tố cáo về chuyển giao công nghệ có quyền yêu cầu giám định công nghệ.

Điều 16. Báo cáo, thống kê hoạt động chuyển giao công nghệ

Trước ngày 15 tháng 01 hằng năm, doanh nghiệp, tổ chức nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, trường đại học, trường cao đẳng và các cơ sở đào tạo khác có trách nhiệm báo cáo về tình hình đổi mới, chuyển giao công nghệ năm trước gửi về Sở Khoa học và Công nghệ. Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh, Bộ Khoa học và Công nghệ và các địa phương có hoạt động chuyển giao công nghệ.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 17. Trách nhiệm của Sở Khoa học và Công nghệ

1. Tham mưu đề Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành các văn bản quy phạm pháp luật về quản lý công nghệ. Chịu trách nhiệm chung về hoạt động quản lý công nghệ, chuyển giao công nghệ trên địa bàn tỉnh, hướng dẫn, theo dõi, tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh về việc tổ chức thực hiện Quy định này.

2. Chủ trì tổ chức thẩm định cơ sở khoa học, thẩm định công nghệ các dự án đầu tư thuộc đối tượng tại Điều 4 của Quy định này. Tham gia hội đồng thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường các dự án đầu tư có yếu tố công nghệ (xây dựng nhà máy, cơ sở sản xuất; thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản; xử lý môi trường...) trên địa bàn tỉnh.

3. Cấp, thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chuyển giao công nghệ, Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung, sửa đổi hợp đồng chuyển giao công nghệ theo quy định.

4. Thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý các vi phạm pháp luật về hoạt động thẩm định công nghệ, đánh giá, giám định công nghệ và hoạt động chuyển giao công nghệ, nhập khẩu dây truyền máy móc thiết bị đã qua sử dụng. Trung cầu hoặc yêu cầu giám định công nghệ trong trường hợp cần thiết.

5. Xây dựng cơ chế, chính sách hỗ trợ, khuyến khích các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh đổi mới công nghệ.

Điều 18. Trách nhiệm của Cơ quan chủ trì thẩm định chương trình phát triển, Cơ quan chủ trì thẩm định dự án đầu tư

1. Cơ quan chủ trì thẩm định chương trình phát triển có trách nhiệm gửi hồ sơ tới Sở Khoa học và Công nghệ để thẩm định cơ sở khoa học trước khi trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt chương trình phát triển.

2. Cơ quan chủ trì thẩm định dự án đầu tư khi tiếp nhận hồ sơ xin chấp thuận chủ trương đầu tư, thẩm định cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư có trách nhiệm gửi hồ sơ tới Sở Khoa học và Công nghệ để thẩm định công nghệ trước khi quyết định chủ trương và cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.

3. Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ trong việc quản lý nhà nước về công nghệ, chuyển giao công nghệ.

Điều 19. Trách nhiệm của các Sở, Ban, ngành liên quan, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố

1. Tổ chức tuyên truyền, phổ biến hướng dẫn thực hiện các văn bản về quản lý công nghệ, chuyển giao công nghệ đối với ngành, địa phương.

2. Chịu trách nhiệm quản lý hoạt động công nghệ, chuyển giao công nghệ thuộc ngành, địa phương mình quản lý. Theo dõi, báo cáo tình hình hoạt động công nghệ, chuyển giao công nghệ của ngành, địa phương cho Sở Khoa học và Công nghệ, Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Khoa học và Công nghệ khi có yêu cầu.

Điều 20. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân thực hiện dự án đầu tư

Các tổ chức, cá nhân thực hiện dự án đầu tư, trong quá trình chuyển giao công nghệ phải thực hiện đầy đủ chế độ báo cáo với cơ quan quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ, cung cấp đầy đủ, trung thực hồ sơ thẩm định công nghệ, chấp hành đúng phương án công nghệ đã được phê duyệt và chịu sự kiểm tra, thanh tra, giám sát của Sở Khoa học và Công nghệ và các cơ quan liên quan.

Điều 21. Điều khoản thi hành

1. Sở Khoa học và Công nghệ chịu trách nhiệm hướng dẫn thực hiện Quy định này.
2. Trường hợp các văn bản trích dẫn tại Quy định này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì thực hiện theo văn bản mới ban hành.
3. Trong quá trình thực hiện Quy định này, nếu có vướng mắc phát sinh hoặc cần sửa đổi, bổ sung, các tổ chức, cá nhân và các cơ quan liên quan phản ánh bằng văn bản về Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định ./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Phạm Đình Nghị